

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2021/DS-ST**

Ngày: 31/5/2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Dương Thị Hồng Diễm.

2/ Ông Bùi Hồng Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 31/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLST-DS ngày 07/01/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-DS ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Đường P, phường V, Thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*** Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1989. Tổ trưởng tín dụng Ngân hàng TMCP K, Phòng Giao dịch L (theo Giấy ủy quyền ngày 28/5/2021) (có mặt).

Địa chỉ: Đường C, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Lương Vện T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu ông Lương Vện T trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 31/5/2021 là 29.441.683 đồng (gồm nợ gốc là 19.028.029 đồng; lãi chưa thanh toán 4.867.802 đồng; phí phạt chậm trả 4.572.755; phí phạt vượt hạn mức còn lại 973.097), vì trước đây vào ngày 02/10/2019 ông Toàn có ký kết hợp đồng tín dụng JCB số 158/TC/0901-6945 hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng 22%/năm, loại thẻ JCB Classic, phương thức trả nợ theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế, điều kiện áp dụng theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ ông T đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông cũng đã cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết. Tính đến ngày 31/5/2021, ông Lương Vện T còn phải thanh toán cho Ngân

hàng số tiền là 29.441.683 đồng (gồm nợ gốc là 19.028.029 đồng; lãi chưa thanh toán 4.867.802 đồng; phí phạt chậm trả 4.572.755; phí phạt vượt hạn mức còn lại 973.097).

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T trả số tiền tính đến ngày 31/5/2021 là 29.441.683 đồng (gồm nợ gốc là 19.028.029 đồng; lãi chưa thanh toán 4.867.802 đồng; phí phạt chậm trả 4.572.755; phí phạt vượt hạn mức còn lại 973.097) và có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 01/6/2021 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng JCB 158/19/TC/0901-6945 ngày 02/10/2019 nêu trên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lương Vẹn T, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Lương Vẹn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 02/10/2019 ông T và Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng JCB số 158/TC/0901-6945, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng 22%/năm, loại thẻ JCB Classic, phương thức trả nợ theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế, điều kiện áp dụng theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế, (bút lục 08).

Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng tín dụng, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông T cũng đã cam kết nhưng không thực hiện. Tính đến ngày 31/5/2021, ông T còn phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 29.441.683 đồng (gồm nợ gốc là 19.028.029 đồng; lãi chưa thanh toán 4.867.802 đồng; phí phạt chậm trả 4.572.755; phí phạt vượt hạn mức còn lại 973.097) nên Ngân hàng yêu cầu ông T trả số nợ trên và có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 01/6/2021 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng JCB 158/19/TC/0901-6945 ngày 02/10/2019.

Xét thấy, việc ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, có nội dung Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vốn và lãi vay như trên, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng xuất trình, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định ông T có nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 31/5/2021 là 29.441.683 đồng (gồm nợ gốc là 19.028.029

đồng; lãi chưa thanh toán 4.867.802 đồng; phí phạt chậm trả 4.572.755; phí phạt vượt hạn mức còn lại 973.097), nên Ngân hàng yêu cầu ông T trả số nợ nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi, phí tính đến ngày 31/5/2021 là 29.441.683 đồng (gồm nợ gốc là 19.028.029 đồng; lãi chưa thanh toán 4.867.802 đồng; phí phạt chậm trả 4.572.755; phí phạt vượt hạn mức còn lại 973.097) là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 01/6/2021, nếu ông T không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, thì ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Toàn phải chịu 1.472.084 đồng án phí sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng L. Buộc bị đơn ông Lương Vẹn T trả cho Ngân hàng K số tiền vốn gốc 19.028.029 đồng, lãi phát sinh còn lại 4.867.802 đồng; phí phạt chậm trả 4.572.755 đồng; phí phạt vượt hạn mức còn lại 973.097 đồng, tổng cộng 29.441.683 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng)

Kể từ ngày 01/6/2021, nếu ông Lương Vẹn T không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, thì ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Vẹn T phải chịu 1.472.084 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn không trăm tám mươi bốn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 562.632 đồng (Năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008110, ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh